

Bản án số: 363/2019/HS- PT
Ngày: 13 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa
Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 291/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo Trần Thị Nh do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 333/2019/HS-ST ngày 23/7/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Nh, sinh năm: 1981 tại Sóc Trăng;

Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện Ph, tỉnh B; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1961; Chồng là Võ Chí Th, sinh năm 1973; Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự, không.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại trong vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 11/01/2019, Trần Thị Nh đi bộ đến khu phố 3, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60C2-366.70 của Nguyễn Phước H là chồng sắp cưới của chị Võ Tiểu Y để đi làm thẻ Ngân hàng tại trụ sở VPBank thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa. Trên đường đi, Nh phát hiện chìa khóa xe của H có móc thêm chìa khóa phòng trọ số 2, địa chỉ: 65H, tổ 9, khu phố 3, phường A, thành phố B do chị Võ Tiểu Y (là cháu gái của Nh) ở cùng với mẹ đẻ là bà Tăng Thị Ngh (là chị em dâu với Nh) nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Nh điều khiển xe đến phòng trọ trên dùng chìa khóa mở cửa đột nhập, lục soát trên giường ngủ trộm cắp được 2.000.000đ (hai triệu đồng) của chị Y; 01 thẻ Ngân hàng VPBank, 01 chứng minh nhân dân của bà Tăng Thị Ngh, mục đích lấy chứng minh nhân dân để nếu không rút được tiền ở trụ ATM (máy rút tiền tự động) thì sẽ vào phòng giao dịch để rút. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, Nh điều khiển xe mô tô đến trụ ATM tại số 30/6, khu phố 1, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa nhập mật khẩu một lần là 6666 không được, nhập lần hai là 7777 thì đúng mật khẩu và rút toàn bộ số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) rồi về trả xe cho H, sau đó đem số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) trộm cắp được về phòng cất giấu. Khi đi làm về, chị Y và bà Ngh phát hiện bị mất tài sản nên điện thoại cho Nguyễn Phước H thì được biết có cho thím dâu tên Nh mượn xe có móc chìa khóa phòng, nghi ngờ Nh trộm cắp tài sản nên mẹ con bà Ngh trình báo đến Công an phường Tam Hòa lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Qua làm việc, Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng: Số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) gồm: 12 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); 04 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Là số tiền Nh trộm cắp được mà có đã được trả lại cho bị hại là bà Tăng Thị Ngh và chị Võ Tiểu Y.

Về dân sự: Bà Tăng Thị Ngh và chị Võ Tiểu Y đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 307/CT-VKSBH ngày 13/06/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thị Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án số 333/2019/HS-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Trần Thị Nh 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuY về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo trong vụ án. Tại phiên tòa bị cáo không cung thêm tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguY bản án sơ thẩm. Đối với các tình tiết bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, có công việc ổn định đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Nh làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo và hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Nh:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, thể hiện khoảng 14 giờ 00 ngày 11/01/2019, bị cáo đã có hành vi trộm cắp

số tiền 6.800.000đ của chị Võ Tiểu Y và Tăng Thị Ngh là cháu và chị dâu của bị cáo.

Sau khi bị phát hiện bị cáo đã hoàn trả lại cho chị Y và chị Ngh số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đồng thời bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về áp dụng điều luật, hình phạt và nội dung kháng cáo:

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội , làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuY phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, đúng pháp luật , hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, hiện nay bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giáo dục là cũng đủ Ngh, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xem xét chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Nh. Sửa bản án sơ thẩm.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Nh **06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách **12 (mười hai) tháng** tính từ ngày tuY án phúc thẩm.

- Giao bị cáo Trần Thị Nh cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu nơi bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Nh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án Hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tp. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương

